

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỆ THỦY  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2021

*“V/v: Ly hôn, tranh  
chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Mai Thanh Huyền và ông Lê Quang Thạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Võ Thị X, sinh năm 1983;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Anh Lê Minh C, sinh năm 1974;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 04/8/2021, bản tự khai ngày 30/08/2021 và tại phiên tòa, chị Võ Thị X trình bày: Chị và anh Lê Minh C yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/4/2009. Sau kết hôn, chị và anh C về chung sống tại nhà bố mẹ anh C tại thôn L, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ, chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu rồi đánh đập, bóp cổ, hành hung chị. Chịu không nổi hoàn cảnh đó nên ngày 23/6/2011 chị đã bỏ con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, do anh C không hề quan tâm đến chị và con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị X thừa nhận vợ, chồng có một con chung là cháu Lê Anh V, sinh ngày 27/8/2010, hiện đang sinh sống cùng chị X. Sau ly hôn, chị có nguyện

vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện, khả năng nuôi con hơn anh C.

Về tài sản chung: Chị X thừa nhận vợ, chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Lê Minh C: Tại phiên tòa anh C vắng mặt, nhưng trong đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 05/12/2021 gửi Tòa án anh C có nêu ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh chấp thuận ly hôn theo yêu cầu của chị X.

Về con chung: Anh C thừa nhận vợ, chồng có một con chung là cháu Lê Anh V, sinh ngày 27/8/2010, hiện nay đang sinh sống cùng chị X. Sau ly hôn, anh nhất trí giao con chung cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng như nguyện vọng của chị X, anh không cấp dưỡng nuôi con vì chị X có đủ khả năng, điều kiện nuôi con và không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh C thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Võ Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Minh C là loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn anh C đến Tòa án để giải quyết vụ án và tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh C đều vắng mặt. Ngày 05/12/2021 anh C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, trong đó nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị X. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh C.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của chị X, anh C, thì chị X và anh C đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 20/4/2009, do đó hôn nhân giữa chị X và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu rồi đánh đập, bóp cổ, hành hung chị X. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ ngày 23/6/2011 cho đến nay đã 10 năm, không ai quan tâm đến ai. Nguyên đơn chị X yêu cầu ly hôn, bị đơn anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong văn bản gửi cho Tòa án không có nhu cầu đoàn tụ và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị X và anh C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị X, xử cho X được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Chị X và anh C có một con chung là Lê Anh V, sinh ngày 27/8/2010. Sau ly hôn chị X có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện, khả năng nuôi con. Anh C trong văn bản gửi cho Tòa án nhất trí giao con chung cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của chị X tại phiên tòa thì hiện tại chị đang là công nhân tại xí nghiệp may H, thu nhập trung bình khoảng 07 triệu đồng/tháng, anh C từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, không quan tâm, chăm sóc đến con chung. Xét quá trình chăm sóc con và điều kiện về kinh tế hiện tại thì chị X có điều kiện nuôi con hơn anh C; yêu cầu của chị X được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, được bị đơn anh C chấp nhận là phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn và bị đơn cũng như các điều kiện sống khác của con chung tại thời điểm hiện tại. Vì vậy, cần giao cho chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, cũng như quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung: Chị X và anh C đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn chị X phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Xử cho chị Võ Thị X được ly hôn anh Lê Minh C.

2. Giao con chung Lê Anh V, sinh ngày 27/8/2010 cho chị Võ Thị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Lê Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số AA/2020/0001328 ngày 04/8/2021 (Chị Võ Thị X đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Võ Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/12/2021); bị đơn anh Lê Minh C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã S (Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nguyễn Thanh Hải***